

SỰ THAY ĐỔI TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG HẢI QUÂN GIỮA ANH VÀ HÀ LAN NỬA SAU THẾ KỶ XVII

Trần Ngọc Dũng

Khoa Lịch sử, ĐH SP Hà Nội

Từ sau những cuộc phát kiến địa lý cuối thế kỷ XV, đầu thế kỷ XVI, lịch sử hàng hải thế giới có những bước phát triển và thay đổi không ngừng. Hoạt động buôn bán đã chuyển dần từ những vùng biển nhỏ, ven bờ ra đại dương, từ buôn bán theo khu vực vươn lên thành trao đổi toàn cầu và hình thành những trục đường thương mại mới trên bản đồ thương mại thế giới. Trong hoàn cảnh đó, cùng với sự trỗi dậy của hoạt động cướp biển được tổ chức quy củ hơn (*những lúc được chính phủ các nước khuyến khích nhằm kiếm tìm nguồn vốn cho quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản*) càng khiến việc bảo vệ các đội thương thuyền hay tổ chức lực lượng tấn công, dè bẹp đối thủ, xâm chiếm, giành giật thị trường càng trở nên cần thiết. Chính vì thế, hải quân đã nhanh chóng trở thành lực lượng quan trọng, đóng vai trò hỗ trợ đắc lực cho sự phát triển của thương mại hàng hải. Vượt qua hai quốc gia vùng Iberia (*đi tiên phong trong phát kiến địa lý*), Hà Lan nhanh chóng trở thành “người chở hàng trên biển” và bước vào giai đoạn hoàng kim trong lịch sử quốc gia từ cuối thế kỷ XVI. Tuy nhiên,

đến nửa sau thế kỷ XVII, Anh đã vươn lên trở thành một thế lực cạnh tranh khốc liệt địa vị bá chủ của Hà Lan bằng việc gây ra ba cuộc chiến tranh trực tiếp cùng hàng loạt các hành động cạnh tranh khác. Ngoài khía cạnh kinh tế-xã hội hay các nhân tố khác, sự thay đổi tương quan lực lượng hải quân chính là mấu chốt quyết định đến địa vị cường quốc hàng hải của các nước lúc đó. Vượt qua Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Pháp, Thụy Điển, hai nước Anh và Hà Lan đã trở thành những ông chủ của biển cả; Hải quân hai nước đã tung hoành trên nhiều vùng biển khác nhau, đem lại những lợi thế không nhỏ cho sự mở rộng hoạt động thương mại. Chính vì thế, hiểu rõ được tình hình phát triển hải quân của hai nước trong giai đoạn cạnh tranh trực tiếp, khốc liệt này chính là một cơ sở quan trọng để chúng ta hiểu được một cách đầy đủ về nguyên nhân và điều kiện mà Anh từng bước vươn lên thay thế Hà Lan trở thành cường quốc thương mại hàng hải ở đầu thế kỷ XVIII.

Đầu thế kỷ XVII, châu Âu chủ yếu vẫn là các quốc gia phong kiến và thường tập

trung vào việc củng cố quyền lực tại lục địa – được thể hiện khá rõ ràng trong cuộc chiến tranh 30 năm (1618 - 1648) – đã làm hao tổn lớn đến tiềm lực của các nước. Sức mạnh hàng hải vẫn chưa thực sự được chú ý mặc dù chủ nghĩa trọng thương đã phát triển ở một số nước. Ngoài một số quốc gia ven biển, có quyền lợi trực tiếp gắn liền với biển như Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, các nước vùng Baltic, Địa Trung Hải, hầu như các nước khác như Pháp, Nga, Đức đều ít chú trọng đến vấn đề này. Pháp dưới sự cai trị của Louis XIV là một cường quốc lục địa với lực lượng bộ binh khá hùng hậu. Nga là “*đế quốc không có buồng phổi*” do đường ra biển đã bị Ba Lan, Thổ Nhĩ Kỳ, Thụy Điển chặn đứng. Đức là một tập hợp rời rạc của hàng nghìn vương quốc khác nhau đang vướng bận với những cuộc chiến giành địa vị bá chủ trong Liên hiệp chung. Do đó, hải quân của những cường quốc châu Âu này hầu như không được chú trọng phát triển.

Với tình trạng đó, tuy châu Âu có 6 quốc gia khả dĩ có thể cạnh tranh sức mạnh hải quân là Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hà Lan, Anh, Thụy Điển, Pháp (*do Pháp muốn sử dụng hải quân để tấn công những vùng đất của vương triều Tây Ban Nha*)¹, nhưng chỉ có Tây Ban Nha và Hà Lan là đủ tiềm lực

cạnh tranh trực tiếp địa vị bá chủ hải quân trong giai đoạn trước năm 1640². Bồ Đào Nha vốn là một cường quốc thực dân, có thực lực và khá nhiều thuộc địa ở châu Á, nhưng từ năm 1580 đến 1640 đã nằm dưới sự cai trị của quốc gia láng giềng nên không thể cạnh tranh với các nước khác. Pháp lại quá chú trọng đến lục quân nên hải quân dù được phát triển nhưng vẫn ở mức độ thấp so với các nước khác. Thụy Điển chủ yếu phát triển trong vùng biển Baltic và đang bận tham gia chiến tranh 30 năm nên không có nhiều cơ hội phát triển hơn nữa lực lượng hải quân. Nước Anh đã đạt được một số thành tựu trong xây dựng hải quân từ cuối thế kỷ XVI – với bước ngoặt là chiến thắng trước hạm đội vô địch Armada của Tây Ban Nha (1588) – nhưng vẫn chưa hội tụ đủ những điều kiện cần thiết để trở thành một thế lực hàng đầu.

Kiểm soát một vùng lãnh thổ rộng lớn bao gồm toàn bộ bán đảo Iberia, phần lớn Italia, những lãnh thổ vùng biển Bắc và eo Channel, và được liên kết bằng hệ thống cảng biển chạy dọc ven bờ Đại Tây Dương, vương triều Tây Ban Nha là thế lực hàng đầu và tất nhiên là có quân đội mạnh nhất trong hệ thống các quốc gia Thiên Chúa giáo châu Âu từ đầu thế kỷ XVI cho đến trước 1640.

¹ Clark G Reynolds, 1976, *Command of the Sea, the history and strategy of maritime empires*, Robert hale and company, Clerkenwell house, London, p. 74;

² Jan Glete, 2005, *The sea power of Habsburg Spain and the development of European navies, 1500 – 1700*, Paper for the conference Guerra y sociedad en la Monarquía hispánica: política, estrategia y cultura en la Europa moderna (1500 - 1700), Madrid, p. 29;

Tuy nhiên, trong thời gian đó, Tây Ban Nha liên tiếp phải đụng độ với Hà Lan, Anh, và Pháp trong cuộc chiến tranh 30 năm nên dần hao mòn lực lượng. Hải quân Anh đã đập tan hạm đội vô địch Armada - niềm kiêu hãnh của vương triều Tây Ban Nha; Pháp đã tấn công và chiếm đóng nhiều vùng đất trong lãnh thổ đế quốc; còn Hà Lan đã giành được độc lập sau cuộc chiến tranh kéo dài với chính quốc (1566 - 1648). Đặc biệt, tham vọng của giới thương nhân Hà Lan ngày càng lớn đã trực tiếp làm suy yếu tiềm lực hải quân Tây Ban Nha. Những thất bại đó đã chính thức xóa bỏ vị thế cường quốc hải quân hàng đầu của Tây Ban Nha, đánh dấu sự vươn lên của hải quân Hà Lan ở nửa đầu thế kỷ XVII. Tuy nhiên, Hà Lan đã không thể đứng vững ở vị trí đó bởi sự cạnh tranh khốc liệt của Anh từ ngay nửa sau thế kỷ XVII, dẫn đến một sự thay đổi nhanh chóng tương quan lực lượng hải quân hai nước.

1. Sự suy yếu của hải quân Hà Lan ở nửa sau thế kỷ XVII

Hải quân Hà Lan đầu thế kỷ XVII đã vươn lên mạnh mẽ và đạt được vị thế nhất định. Ngành công nghiệp đóng tàu phát triển nhanh chóng đã cung cấp cho hải quân những thuyền chiến có sức mạnh, uy lực. Những tấm ván và cột buồm được mua từ Na Uy và các nước vùng Baltic, cùng với lao động được thuê từ nước ngoài và máy móc được sử dụng trong việc đóng tàu. Năm 1614, hạm đội Hà Lan đã sử dụng nhiều thủy

thủ hơn tổng các hạm đội Tây Ban Nha, Pháp, Anh và Scotland³. Không giống như thời kì lệ thuộc vào Tây Ban Nha, những thuyền chiến Hà Lan đã được trang bị ngày càng tối tân hơn. Những khẩu đại bác hai bên thân thuyền chính là cơ sở cho việc đảm bảo sức mạnh của hạm đội. Năm 1600, mỗi thuyền Hà Lan chỉ trang bị 38 khẩu đại bác, đến năm 1625 là 114 khẩu, năm 1650 là 70 khẩu⁴. Khả năng trang bị đó hơn hẳn so với Anh, Pháp hay bất cứ một quốc gia nào nằm trong nhóm có thể cạnh tranh địa vị cường quốc hàng hải. Đặc biệt, năm 1625, trang bị đại bác của hạm đội Hà Lan gấp Pháp gần 8 lần (15 khẩu), gấp Anh gần 3 lần (40 khẩu)⁵. Khi mà hải quân đóng vai trò lớn trong việc chinh phục những vùng đất mới, hộ tống đội thương thuyền và tấn công thuyền buôn nước khác thì những khẩu đại bác này vô cùng hữu dụng. Hà Lan đã dựa vào lực lượng đó để xây dựng nền độc quyền thương mại với Amsterdam là trung tâm. Nó vươn rộng ra vùng Baltic (bao gồm cả Thụy Điển và Đan Mạch), khám phá vùng đất mới Bắc Mỹ (giữa vùng đất New England và Virginia), những quần đảo thuộc Caribbean, Guiana, dọc bờ biển Brazil, mũi Hảo Vọng cũng như

³ Michel Beaud, 2002, *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ 1500 đến 2000*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 58;

⁴ Philippe Contamine, 2002, *War and competition between states*, European science foundation, Clarendon press, p. 71;

⁵ Patrick Karl O'Brien, Xavier Duran, 2010, *Total factor productivity for the Royal navy from victory at Texel (1653) to triumph at Trafalgar (1805)*, WP 134/10, Department of economic history, London school of economics, p. 8;

kiểm soát con đường thương mại sang Viễn Đông, và gạt bỏ ảnh hưởng của Bồ Đào Nha tại khu vực này⁶.

Lực lượng đó tuy có thể đánh bại Tây Ban Nha nhưng vẫn không thể đạt được địa vị hàng đầu như vương triều này đã có được trong suốt chiều dài lịch sử từ 1500 đến nửa đầu thế kỷ XVII. Điều đó là bởi nhiều lí do khác nhau: Về mặt khách quan là sự vươn lên mạnh mẽ của Anh, Pháp; Về chủ quan là sự chia rẽ nội bộ, thiếu chiến lược trong phát triển lực lượng và tàu chiến không khác biệt nhiều so với thuyền buôn. Hải quân Hà Lan hoàn toàn nằm dưới sự chỉ huy của nhóm 5 Đô đốc Rotterdam, Amsterdam, Bắc Hà Lan, Zeeland và Friesland⁷ nên gây ra những mâu thuẫn lớn giữa các tỉnh. Mặt khác, tàu chiến *không được thiết kế mạnh mẽ và tốt như của Anh*⁸, không được bọc sắt, thường cồng kềnh như thuyền buôn nên hạn chế trong chiến đấu. Chính vì thế, hải quân Hà Lan đã nhanh chóng suy yếu ở giai đoạn sau, phải chấp nhận nhường vị thế hàng đầu cho Anh. Ba lần chiến tranh với Anh vào những năm 1652-1654, 1665-1667, 1672-1674 là quãng thời gian Hà Lan từng bước suy yếu trên nhiều phương diện, đặc biệt là đã đánh mất

vị thế của một cường quốc hải quân hàng đầu thế giới lúc đó. Do vậy, kết thúc chiến tranh đã dẫn đến việc Hà Lan không còn giữ được thế độc quyền của mình trong nền thương mại hàng hải thế giới, còn Anh thì từng bước nâng cao vị thế của mình ở châu Âu và nhiều khu vực khác.

Sự suy yếu của hải quân Hà Lan trước hết được thể hiện cụ thể qua sự yếu thế trước đối thủ cạnh tranh trực tiếp là Anh. Trong cả ba lần chiến tranh, mặc dù hải quân Hà Lan có đôi lần giành được chiến thắng, nhưng nhìn chung đã lép vế trước sức mạnh đang lên của hải quân Anh. Trong cuộc chiến tranh 1652-1654, bị bất ngờ trước vũ khí hiện đại, tính kỉ luật của hải quân Anh nên hầu như Hà Lan không giành được một thắng lợi quan trọng nào; ngược lại, đã bị tàu chiến Anh phong tỏa bờ biển, cướp đoạt các thuyền buôn và gây tổn thất nặng nề cho nền thương mại quốc gia. Đến lần thứ hai, mặc dù Anh đang gặp bất lợi về mặt tài chính cũng như tình hình quốc tế và Hà Lan đã có những thay đổi trong việc chế tạo thuyền chiến nhưng hải quân chỉ giành được 1 thắng lợi mang ý nghĩa tinh thần ở trận Pas de Calais trên eo Dover, nhưng lại thất bại ở những trận chiến quyết định khác là Lowestoft – Norfolk và North Foreland. Điều này tiếp tục diễn ra trong lần chiến tranh thứ ba: dù Charles II không có được sự hậu thuẫn của Nghị viện nhưng liên quân Anh-Pháp vẫn giành được những thắng lợi

⁶ Clark G Reynolds, sdd, p. 174;

⁷ Jan Glete, 2001, *The Dutch navy, Dutch state formation and the rise of Dutch maritime supremacy*, Paper for the Anglo-American conference for historians: The Sea, University of London, p. 5;

⁸ Sheila Alica Clifford, 1993, *An analysis of the port royal shipwreck and its role in the maritime history of seventeenth century*, Port Royal, Jamaica, MA, Texas A&M university, p. 26;

quyết định trước Hà Lan. Điều đó buộc chính phủ Hà Lan phải chấp nhận những điều khoản không có lợi trong vấn đề thương mại để được chấm dứt chiến tranh với Anh. Năm 1654, Hà Lan phải chấp nhận Đạo luật Hàng hải 1651, hạn chế khả năng chuyên chở hàng hóa của họ ở châu Âu, phải đền bù những thiệt hại cho Anh. Hòa ước Westminster năm 1654, Breda (1667), Westminster (1674) đã đánh dấu sự nhượng bộ lớn của người Hà Lan trước tham vọng của Anh. Hà Lan không còn nắm độc quyền khổng lồ thị trường thương mại ở Baltic, biển Bắc hay Địa Trung Hải. Có thể thấy, mục đích trước hết trong chiến tranh Anh-Hà Lan là sự kiểm soát eo Channel và phía nam biển Bắc vì đây là khu vực có tính quyết định đến sự phát triển ngoại thương của cả Anh và Hà Lan, nhưng thực tế, chỉ trong lần đụng độ đầu tiên, hải quân Anh gần như đã nắm được toàn quyền kiểm soát vùng biển này và tiến hành bao vây, phong tỏa dọc đường bờ biển Hà Lan. Con đường vươn ra Đại Tây Dương của Hà Lan bị người Anh kiểm soát. Thất bại trên mặt trận quân sự dẫn đến việc Hà Lan nhanh chóng mất đi những quyền lợi và địa vị ở châu Âu cũng như nhiều vùng đất khác. Đó là việc Hà Lan phải chấp nhận nhượng cho Anh vùng đất New Amsterdam (New York sau này) – bước tiến lớn của Anh trong quá trình gạt bỏ ảnh hưởng của các đối thủ ở Bắc Mỹ. Công ty Đông Ấn Hà Lan phải đền bù cho người Anh

trong vụ thảm sát năm 1623⁹ và mất dần một số thương điểm ở Ấn Độ trước sự cạnh tranh gay gắt của đối thủ. Việc mất dần những đầu mối quan trọng trong hệ thống thương mại thế giới từng bước làm xói mòn sức mạnh ngoại thương của Hà Lan. Cộng với những yếu kém trong ngành công nghiệp, nông nghiệp trong nước, Hà Lan thực chất đã suy yếu đi rất nhiều dù vẫn kiểm soát phần lớn lượng hàng hóa lưu thông trên thế giới. Tính chất của nền kinh tế thương nghiệp điển hình không tạo cho Hà Lan cơ hội củng cố nội lực để giữ vững địa vị cường quốc thương mại hàng hải.

Xét một cách toàn diện, sự suy yếu của hải quân Hà Lan được thể hiện khá phong phú ở nhiều mặt khác nhau. Đó là việc không thể ngăn cản Anh tấn công, bắn phá những hải cảng, vùng đất ven biển khiến cho Hà Lan mất đi những cơ sở quan trọng cho việc buôn bán. Mặt khác, hạm đội không đủ mạnh để bảo vệ các thương thuyền nên số lượng thuyền buôn bị Anh cướp đoạt trong thời gian này là rất lớn: chỉ trong cuộc chiến lần 1, Hà Lan đã mất khoảng 1.200 thuyền, giúp tạo ra “*công cuộc tái thiết nền thương*

⁹ Các thương nhân Anh ở Amboyna (quần đảo Spice) đã bị người Hà Lan bắt giữ, tra tấn và chặt đầu để thị uy trong cuộc cạnh tranh thị trường thương mại ở Đông Nam Á. Cuốn “Lịch sử Đông Nam Á” của D.G.E.Hall ghi lại rằng 30 người đã bị bắt, 22 người bị chém đầu (trong đó có 10 người Anh, 10 người Nhật và 1 người Bồ Đào Nha). Hà Lan phải bồi thường cho công ty Đông Ấn Anh số tiền £85.000 và £3.615 cho con cháu những nạn nhân trong vụ thảm sát này.

mại Anh với những thuyền chở hàng Hà Lan (*flyboats*)”¹⁰. Hơn thế nữa, với lợi thế về vũ khí hiện đại, Anh đã liên tiếp phong tỏa những thương cảng quan trọng như Rotterdam, Amsterdam – nguồn sống của nền kinh tế Hà Lan – làm thiệt hại nghiêm trọng nền tài chính và sự phồn thịnh của nơi đây. Những thiệt hại do chiến tranh còn được tính thêm với số tiền chiến phí mà Hà Lan phải trả cho Anh sau mỗi hiệp ước hòa bình, đã làm mất đi một nguồn vốn lớn của giới tư sản để đầu tư cho hoạt động buôn bán. Nhưng, nguy hiểm hơn cả là tình trạng chia rẽ của Hà Lan trong và sau chiến tranh với Anh. Nền cộng hòa vốn có những mâu thuẫn giữa các tỉnh đóng góp nhiều cho sự phát triển như Hà Lan, Zeeland với các tỉnh khác lại càng căng thẳng hơn bởi chính sách của mỗi tỉnh trong chiến tranh là khác nhau nhằm bảo vệ cho quyền lợi của họ. Tính không đồng thuận trong bộ máy chính quyền và chỉ huy của hải quân là một trong những nguyên nhân chính dẫn đến thất bại của Hà Lan và cũng là một yếu tố dẫn đến sự suy yếu sau này của họ. Như vậy, rõ ràng thất bại trong chiến tranh với Anh đã thể hiện sự yếu kém của hải quân Hà Lan và góp phần không nhỏ làm suy yếu cường quốc thương nghiệp Hà Lan, tạo ra thay đổi lớn trong quan hệ quốc tế nửa sau thế kỷ XVII.

Hà Lan tiếp tục suy yếu về sức mạnh hải quân ở những năm cuối thế kỷ XVII. Niềm tự hào về hạm đội và thương thuyền hùng mạnh những năm cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII đã không còn. Nếu như việc bị Anh cướp đoạt nhiều tàu buôn đã làm giảm đi đáng kể khả năng chuyên chở của Hà Lan thì thất bại trong chiến tranh đã khiến hải quân Hà Lan lép vế dần trước kẻ thù. Hà Lan không còn duy trì được thế tiên phong như nửa đầu thế kỷ XVII mà tụt hậu cả về trình độ tác chiến, kĩ thuật đóng tàu, trang bị vũ khí và tinh thần kỉ luật. Trong ba lần chiến tranh, Hà Lan tuy không thể hiện sự yếu kém rõ rệt so với Anh nhưng hầu như đã lâm vào thế bị động đối phó, không đảm bảo được sức mạnh bảo vệ cho nền thương mại cũng như an nguy của đất nước. Biểu hiện cụ thể của những suy yếu là Hà Lan không đủ tiềm lực một mình đương đầu với cuộc chiến tranh xâm lược và sự công kích vào thương mại của nước Pháp. Địa vị quốc tế của Hà Lan đã giảm sút nghiêm trọng sau thất bại trước liên minh Anh-Pháp giai đoạn 1672-1674. Các sử gia châu Âu hầu như không còn nhắc đến vai trò của Hà Lan trong những cuộc tranh giành quyền lực ở châu Âu giai đoạn sau. Hà Lan liên tục phải đối phó với cuộc chiến tranh xâm lược lãnh thổ cùng chính sách “*bảo hộ*” của Pháp, khiến cho nền thương mại trung chuyển một thời hoàng kim rơi vào tình trạng chững lại và suy yếu. William Orange phải tìm cách liên minh với

¹⁰ David Ormrod, 2003, *The rise of Commercial Empires: England and the Netherlands in the age of mercantilism, 1650 – 1770*, Cambridge University press, p 276;

Tây Ban Nha, Thụy Điển mới đứng vững được trước những cuộc tấn công xâm lược của Pháp. Tuy nhiên, Hà Lan cũng phải chấp nhận kí với Pháp hiệp ước hòa bình Nymegen 1678 với những điều khoản bất bình đẳng. Dù hàng rào quan thuế của Pháp năm 1667 được dỡ bỏ, tự do thương mại được cho phép ở mức độ nhất định nhưng thực chất Hà Lan đã phải đánh đổi bằng những vùng lãnh thổ phía nam đất nước. Hải quân và lực lượng quân đội Hà Lan đã không còn giữ được sức mạnh cần thiết trong việc bảo vệ đất nước. Trong cách mạng vinh quang Anh 1688 – 1689, mặc dù hải quân Hà Lan đã góp công lớn ép James II phải rời khỏi ngai vàng nhưng vẫn không giúp nó lấy lại sức mạnh và địa vị vốn có trong giai đoạn hoàng kim. Đến năm 1700, Hà Lan đã xếp sau Pháp, Anh về tổng sức mạnh của hải quân. Tương quan so sánh trang bị vũ khí của Hà Lan so với Anh, Pháp đã kém rất nhiều lần: Mỗi tàu chiến chỉ còn trang bị 86 đại bác (năm 1725 chỉ còn 42 khẩu), trong khi của Anh là 115 khẩu, Pháp là 118 khẩu¹¹. Điều đó đã trở thành một nguyên nhân quan trọng dẫn đến sự hình thành liên minh Hà Lan-Anh sau năm 1689 và từ đó, hải quân Hà Lan nằm dưới sự chỉ huy chung của đô đốc người Anh, hầu như đã không giữ được địa vị, tầm ảnh hưởng như nửa đầu thế kỷ XVII.

2. Sự vươn lên mạnh mẽ của hải quân Anh nửa sau thế kỷ XVII

Bước ngoặt trong quá trình phát triển của hải quân Anh là chiến thắng trước hạm đội Armada năm 1588, nhưng phải nhờ đến những cải cách toàn diện của Oliver Cromwell¹² sau cuộc nội chiến 1642-1649 thì hải quân mới có được một bộ mặt hoàn toàn khác biệt: mạnh mẽ, hùng hậu và đóng vai trò lớn trong sự phát triển của cường quốc thương mại hàng hải Anh sau này. Về mặt lãnh đạo, ông đã cử những vị tướng tài như Monck, Deane và Robert Blake¹³ – những người có kinh nghiệm và tài năng chứ không phải là dòng dõi quý tộc - chỉ huy hải quân nhằm biến lực lượng này thực sự trở

¹² **Oliver Cromwell** (1599-1658) là một tín đồ Thanh giáo, sinh ra ở Huntingdon trong một gia đình quý tộc nhỏ, người của phe Nghị viện trong cuộc Nội chiến Anh (1642-1649) và là người thứ 3 kí vào Sắc lệnh từ hình vua Charles I. Trong quá trình nội chiến, ông đã xây dựng được “*quân đội sườn sắt*” nổi tiếng và đã sử dụng quân đội như một công cụ quan trọng để lên cầm quyền. Với cương vị Bảo hộ công (1653-1658), ông đã thu tóm mọi quyền lực lập pháp, hành pháp và quân đội. Cùng với đó, ông đã có những đóng góp đặc biệt đối với sự phát triển của nền thương mại hàng hải Anh, trong đó, hải quân luôn được chú trọng đúng mức.

¹³ **George Monck** (1608-1670) là một đô đốc hải quân dày dạn kinh nghiệm của Anh. Ông đã từng tham gia hải quân Hà Lan trong giai đoạn chiến tranh 30 năm, là chỉ huy lực lượng hải quân Anh tấn công Ireland trong những năm đầu nội chiến Anh, và đã tuyên thệ trung thành với Nghị viện Anh sau này. Mặc dù đóng góp nhiều công lao cho Oliver Cromwell, nhưng ông lại là người góp phần không nhỏ vào việc đưa Charles II lên ngôi sau đó. **Robert Blake** (1598-1657) được coi là một trong những người uy quyền nhất của hải quân Anh trong thời kì nội chiến và Bảo hộ công. Ông chính là người có những đóng góp quan trọng nhất trong việc cải tổ, xây dựng lại hải quân Anh, tạo nền tảng cho sự hùng mạnh của hải quân Hoàng gia Anh sau này.

¹¹ Xem bảng số liệu phía dưới.

thành chuyên nghiệp, nòng cốt chứ không chỉ là một bộ phận nhỏ trong quân đội như thời phong kiến¹⁴. Tính kỉ luật và phục tùng của binh lính được nâng cao đồng thời với việc đảm bảo vai trò, trách nhiệm của người lãnh đạo. Trong việc xây dựng hạm đội, trước tiên, các xưởng đóng tàu được lập ra ở những nơi thuận lợi: Chatham, Deptford, Portsmouth, Woolwich với số lượng công nhân khoảng 1.000 – 2.000 người¹⁵, và đóng mới được 41 tàu chiến chỉ trong vòng 2 năm 1649 – 1651¹⁶, củng cố thêm khả năng xây dựng hạm đội hùng mạnh hơn các quốc gia khác. Năm 1649, Nghị viện Anh quyết định đóng một loạt các tàu rộng, sức chiến đấu cao (có thể mang hơn 20 đại bác - đến năm 1654 là 56 đại bác; ba cột buồm lớn được thiết kế với độ dài 120 – 210 feet, chiều ngang 30-60 feet giúp thuyền di chuyển nhanh)¹⁷. Trọng tải các tàu chiến được nâng cấp, số lính phục vụ trên tàu ngày càng tăng, tạo ra lợi thế lớn trong việc áp sát và chiếm lĩnh tàu của đối phương. Anh cũng sử dụng những tàu chiến nhỏ, linh hoạt và trang bị hiện đại, có tốc độ, khả năng chịu lực và chịu lửa cao khi đối đầu trực tiếp. Những sĩ quan hải quân Pháp đã phải công nhận rằng: “...tàu (Anh) được trang bị rất đặc biệt. Chỉ

huy là một sĩ quan với trình độ tác chiến cao chứ không phải quý tộc. Năm phụ tá và 25 thủy thủ tạo thành một nhóm...Nó được coi là biện pháp hiệu quả cho việc thay thế những con tàu cũ kĩ và chậm chạp”¹⁸. Những thương thuyền cũng được thiết kế cho mục đích phòng thủ, đặc biệt, những tàu trên 100 tấn còn được nhận trợ cấp của chính phủ để họ có thể biến chúng thành tàu chiến trong chiến tranh nếu cần thiết¹⁹.

Đặc biệt, sức mạnh đang lên của hải quân Anh được minh chứng rõ nét bằng việc tăng cường trang bị đại bác của những thuyền chiến. Đến năm 1675, tàu chiến loại 1 của Anh được trang bị 100 đại bác, loại 2 là 74 khẩu, loại 3 là 60 khẩu và loại 4 là 50 khẩu²⁰ với độ nặng từ 9 pounds đến 42 pounds²¹. Bảng so sánh sau đây vừa toát lên được khả năng trang bị hiện đại của hải quân Anh, vừa biểu hiện phần nào sự thay đổi tương quan lực lượng hải quân các nước trong thế kỷ XVII.

¹⁴ Corelli Barnett, 1974, *Britain and her army 1509 – 1970: a military, political and social survey*, Penguin books, Middleses, p. 105;

¹⁵ Philippe Contamine, sđd, p. 88-89;

¹⁶ Clark G Reynolds, sđd, p. 179;

¹⁷ Jonathan R Dull, 2009, *The age of the ship of the line: the British and French navies, 1650 – 1815*, University of Nebraska press, p. 1-2;

¹⁸ Alfred Thayer Mahan, 1889, *The influence of sea power upon history, 1660 – 1783*, Little, Brown and company, Boston, p. 93;

¹⁹ Sheila Alica Clifford, sđd, p. 19;

²⁰ Clark G Reynolds, sđd, p. 174;

²¹ Patrick Karl O'Brien, 2001, *Fiscal exceptionalism: Great Britain and its European rivals from civil war to triumph at Trafalgar and Waterloo*, WP no 65/01, Department of economic history, London school of economics, p 14; 1 pound = 453,59237 gram;

Bảng: Trang bị đại bác của hải quân các nước trong thế kỷ XVII (Đơn vị: khẩu/tàu)

Năm	Tây Ban Nha	Anh	Pháp	Hà Lan	Tổng
1585	51	30	2	37	120
1600	51	34	0	38	123
1625	60	40	15	114	229
1650	33	80	35	70	218
1675	20	60	90	63	223
1700	26	115	118	86	345

Nguồn: Philippe Contamine, 2000, War and competition between states, European science foundation, Clarendon press, p.71.

Nhìn vào bảng số liệu trên, trước tiên thấy rõ sự tiến bộ nhanh chóng của hải quân Anh, đặc biệt trong những năm cuối thế kỷ XVII và ngược lại là sự suy yếu của cả Tây Ban Nha và Hà Lan. Sự vươn lên của Pháp chỉ mang tính chất **nhất thời** trong giai đoạn cuối thế kỷ XVII bởi tác động từ cuộc cải cách của Colbert²² nhằm mục đích sử dụng hải quân như một công cụ hữu hiệu trong chiến tranh với Tây Ban Nha chứ không hoàn toàn vì tham vọng vươn tầm ảnh hưởng ra đại dương. Chính vì thế, hải quân Pháp không được coi trọng, không có tính lâu bền,

thiếu kinh nghiệm chiến đấu và nhanh chóng bị bỏ rơi sau cuộc chiến tranh 9 năm và chiến tranh giành quyền thừa kế ngai vàng Tây Ban Nha. Ngược lại, sự phát triển của hải quân Anh là một quá trình lâu dài, hội tụ nhiều điều kiện khác nhau và mang tính chiến lược trong sự phát triển của một quốc gia theo chủ nghĩa trọng thương. Chính vì thế, chất lượng đại bác ngày càng được nâng cao với số tiền đầu tư lớn. Nếu như năm 1642, Hà Lan chỉ trả 42.000 florins (£3.620) cho 57 đại bác thì đến năm 1692, Anh đã chi tới 83.000 florins (£9.150) cho việc trang bị vũ khí mỗi tàu²³. Tàu chiến Anh trở nên vô cùng nguy hiểm: “*Những con tàu đã đạt tới tầm cao của sự quan trọng, ...khi pháo hải quân trở nên hoàn hảo hơn về độ bắn, tính chuẩn xác và nhanh hơn, khi những thuyền chiến tốt hơn, được thiết kế*

²² Jean Baptiste Colbert (1619-1683) là Bộ trưởng Bộ Tài chính Pháp giai đoạn 1665-1683 dưới triều đại vua Louis XIV. Ông là người có những quan điểm khác biệt với giới quý tộc Pháp trong việc phát triển kinh tế. Bằng tài năng của mình, cộng với sự ủng hộ của nhà vua, ông đã tiến hành một loạt cải cách kinh tế quan trọng ở Pháp nửa sau thế kỷ XVII, biến nước Pháp phong kiến thành một quốc gia có sức cạnh tranh khá mạnh với Anh, Hà Lan; trong đó đã bắt đầu chú trọng đến việc xây dựng hải quân. Đặc biệt, ông là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa trọng thương tại Pháp.

²³ Philippe Contamine, sđd, p. 71;

mới, sự mở rộng và cân bằng của sức mạnh hải quân sẽ được tạo ra”²⁴.

Sự vươn lên của hải quân Anh được chứng minh bằng thực tế là chiến thắng cuối cùng trong 3 lần chiến tranh Anh – Hà Lan và lần lượt đánh bại nhiều kẻ thù khác như Tây Ban Nha, Pháp để từng bước khẳng định địa vị cường quốc hàng hải. Ba lần chiến tranh với Hà Lan chính là cuộc đụng độ hải quân trực tiếp để tranh giành ảnh hưởng trên biển. Mục đích và nguyên nhân sâu xa của cả 3 lần chiến tranh chính là những tranh giành về quyền lợi thương mại ở Đại Tây Dương và những vùng đất giàu có ngoài châu Âu. Thương nhân Hà Lan đã chiếm đoạt nhiều quyền lợi ở các hải cảng, vùng biển của Anh trong việc buôn bán len dạ, đánh cá và gây ra bất mãn lớn đối với thương nhân Anh²⁵. Do đó, Cromwell và Nghị viện Anh đưa ra Đạo luật Hộ tống năm 1650 (Convoy Act) và Đạo luật Hàng hải thứ nhất (Navigation Act/ Scobele’s Act) năm 1651²⁶. Đó thực sự là

một đòn giáng mạnh vào hoạt động và tham vọng của Hà Lan - một cường quốc thương nghiệp luôn chú trọng phát triển việc chuyên chở hàng hóa giữa các quốc gia và là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến cuộc chiến tranh lần 1 giữa hai nước.

Hải quân Anh tổng cộng đã giao chiến với Hà Lan 8 trận: Goodwin Sands, Plymouth, Kentish Knock, Dungenes, Portland, Leghorn, Gabbard Bank, Scheveningen. Tuy thất bại trong trận đụng độ đầu tiên nhưng hải quân Anh đã nhanh chóng củng cố lực lượng và giành thắng lợi trong tất cả 7 trận chiến còn lại. Đặc biệt, trong trận quyết định Scheveningen năm 1653, Đô đốc Maarten Tromp Harpertszoon và 1.500 thủy thủ đã bị đại bác của hải quân Anh giết chết, 14 tàu chiến bị phá hủy, đánh dấu thất bại hoàn toàn của Hà Lan. Chiến thắng của Anh đã dẫn đến “*sự kiểm soát hoàn toàn eo biển Channel, nghĩa là phong tỏa Amsterdam và những cảng khác của Hà Lan, làm băng giá mọi hoạt động thương mại của đế quốc này*”²⁷. Thất bại đó buộc Hà Lan phải kí hiệp ước hòa bình Westminster năm 1654²⁸. Anh cũng tịch thu được 1.700 tàu chiến để phát triển hơn nữa hạm đội của

²⁴ Alfred Thayer Mahan, sđd, p. 96;

²⁵ Năm 1601, trong tổng số 714 tàu cập cảng London thì chỉ có 207 tàu Anh, 40 tàu Đức, nhưng có tới 360 tàu Hà Lan; dẫn theo E.E.Rich, C.H.Willison, 2008, *The Cambridge economic history of Europe, vol IV: The economic of expanding Europe in the sixteenth and seventeenth centuries*, Cambridge University press, p. 176;

²⁶ **Đạo luật Hộ tống** cho phép chính phủ Anh can thiệp vào công việc thương mại nhằm bảo đảm an toàn cho những chuyến hàng. **Đạo luật Hàng hải** quy định không một hàng hóa nào từ châu Á, châu Phi, châu Mỹ hay bất cứ quốc gia nào ở châu Âu được nhập khẩu vào Anh, trừ những hàng hóa được chuyên chở trên tàu của Anh hay được sản xuất ra ở các thuộc địa của Anh. Các thuyền chuyên chở phải có $\frac{3}{4}$ là thủy thủ người Anh, ngoại trừ trường hợp những sản phẩm được nhập khẩu trực tiếp từ chính nơi xuất xứ ở châu Âu. Đối với ngành đánh bắt cá mòi, chỉ được

đưa vào Anh và các thuộc địa loại cá được đánh bắt bởi thuyền của Anh và việc xuất khẩu cá cũng chỉ được thực hiện bằng thuyền của Anh.

²⁷ Clark G Reynolds, sđd, p. 181-182;

²⁸ William Russell, 1822, *History of modern Europe, vol III*, Philadelphia printed and published, p 222; Hà Lan phải chấp nhận Đạo luật Hàng hải 1651, trả chiến phí cho những tàu chiến của Anh, đền bù cho những thiệt hại của thương mại Anh tại Đông Ấn, phục tùng việc treo cờ Anh tại eo biển Channel/Manche và nhiều yêu cầu khác của Anh về thương mại.

mình²⁹. Như vậy, trong cuộc đụng độ đầu tiên, hải quân Anh đã mang lại danh dự và niềm tin chiến thắng cho tham vọng bành trướng của giới cầm quyền và đặc biệt là tư sản thương nghiệp Anh.

Cuộc chiến tranh lần thứ hai tiếp tục là hệ quả của sự cạnh tranh khốc liệt về mặt thương mại giữa hai quốc gia. Các đạo luật được Charles II liên tiếp đưa ra trong thập niên 60 của thế kỷ XVII đã đụng chạm mạnh đến sự phát triển của nền hàng hải cũng như đe dọa hệ thống thương điểm, thuộc địa của Hà Lan tại châu Á và châu Mỹ. Ngay trong trận hải chiến đầu tiên Lowestoft – Norfolk (3/6/1665), Hà Lan đã nhận thất bại đắng cay khi đô đốc chỉ huy đã bị giết chết và khoảng 31 tàu phải đầu hàng dù lực lượng vượt trội so với hải quân Anh. Thắng lợi trên giúp Anh đẩy mạnh quá trình mở rộng ảnh hưởng trên Đại Tây Dương, chiếm đoạt những thương điểm quan trọng ven biển để phục vụ cho hoạt động thương mại. Trận chiến 4 ngày trên eo Dover diễn ra năm 1666 tuy không đem đến kết quả khả quan cho Anh nhưng Hà Lan cũng chịu những tổn thất to lớn³⁰. Tuy nhiên, đến trận quyết định tại North Foreland, 81 tàu chiến và 18 tàu phóng lửa của Anh do đô đốc Albemarle và Rupert đã tấn công 10 thuyền chiến, 20 tàu phóng

hỏa và 88 lính của Hà Lan do De Ruyter, Evertsen, Cornelis chỉ huy. Kết quả, Anh đã đập tan hải quân Hà Lan, giết chết Evertsen, đánh chìm 20 tàu chiến. Thất bại này một lần nữa dồn Hà Lan vào thế bị động, buộc phải tìm cách kí hiệp ước chấm dứt chiến tranh. Hiệp ước Breda ngày 31/7/1667 một lần nữa là sự nhượng bộ rất lớn của Hà Lan cho Anh. Anh chỉ nói lỏng một số điều khoản trong Đạo luật Hàng hải, còn Hà Lan phải mất rất nhiều quyền lợi. New Amsterdam rơi vào tay Anh, được đổi tên thành New York và là bước ngoặt quan trọng giúp Anh tiến sâu hơn trong quá trình chinh phục vùng đất Bắc Mỹ. Ở châu Phi, Hà Lan chấp nhận để Anh chiếm đóng Cape Coast (Ghana) và nắm độc quyền buôn bán nô lệ trên một vùng lãnh thổ rộng lớn. Như vậy, Anh đã ngày càng mở rộng được tầm ảnh hưởng và vùng hoạt động của mình không chỉ trong hoạt động thương mại mà cả xâm chiếm thuộc địa. Những kết quả ban đầu đó là nền tảng cơ bản cho sự hình thành một đế quốc rộng lớn, hùng mạnh sau này.

Cuộc chiến tranh lần thứ ba xảy ra với nhiều điểm khác với 2 lần trước bởi có sự tham gia trực tiếp của Pháp – đồng minh của Anh và sự không đồng thuận giữa vua Charles II và Nghị viện Anh. Mặc dù không có được nguồn tài chính dồi dào như trước nhưng hải quân Anh đã phối hợp chặt chẽ với những cuộc tấn công của Pháp trên đất liền khiến cho Hà Lan liên tục phải vất vả chống đỡ và thực tế là chịu thất bại liên tiếp. Năm 1672, Hà Lan thất bại trước sức mạnh

²⁹ Tiền Thừa Đán, Hứa Khiết Minh, (Đặng Thanh Tịnh dịch), 2005, *Thông sử nước Anh*, NXB Lao động xã hội, Hà Nội, tr. 139;

³⁰ Theo Clark G Reynolds, trong trận chiến này, 5.000 lính Anh đã chết, 3.000 bị bắt, 8 tàu chìm, 9 tàu bị chiếm; Hà Lan tuy thiệt hại ít hơn nhưng cũng mất 2.000 lính và 8 tàu.

quá lớn của liên quân tại cửa sông Thames. Đến giữa năm 1673, Anh đã 3 lần tấn công vào hải quân Hà Lan, gây ra những tổn thất nhất định, buộc Hà Lan một lần nữa phải kí hiệp ước Westminster lần 2 (1674), theo đó, Anh nhận được 6 triệu tiền bồi thường chiến phí và Hà Lan không được phép đòi lại vùng đất New York.

Chiến thắng cuối cùng trong cả 3 lần chiến tranh trước đối thủ cạnh tranh trực tiếp là Hà Lan đã khẳng định vị thế của cường quốc hải quân Anh. Trước hết là sự phát triển của khả năng trang bị vũ khí hiện đại cho hạm đội ngày càng được nâng cao và trở thành nỗi khiếp sợ của kẻ thù. Năm 1688, thị trường Amsterdam trong cuộc họp toàn Liên hiệp đã không đồng ý cho William III Orange đổ bộ sang Anh với lí do là hải quân Hà Lan đã suy yếu, không đủ sức tấn công hải quân Anh vô cùng hùng mạnh. Đến khi liên minh với Anh được thiết lập thì Hà Lan đã chấp nhận việc chỉ huy người Anh sẽ lãnh đạo cả hạm đội của Hà Lan³¹. Điều đó càng được khẳng định hơn nữa bằng những cuộc chiến tranh xen kẽ suốt nửa cuối thế kỷ XVII giữa Anh với Tây Ban Nha và Pháp.

Năm 1651, Cromwell đã lập ra một bản phác thảo về *kế hoạch phía tây*³² nhằm thôn tính những thuộc địa, thị trường thương

mại rộng lớn ở Tây Ấn, Bắc Mỹ. Kế hoạch đó có nội dung chính là tìm cách đánh bật ảnh hưởng của Tây Ban Nha để thiết lập địa vị của Anh. Với sức mạnh hải quân đang lên, Anh đã liên tiếp tổ chức những cuộc tấn công, xâm lược lãnh thổ. Lần lượt những vùng đất ở Tây Ấn (*vùng biển Caribbean và Mỹ Latinh*) rơi vào tay Anh; những thương cảng của Tây Ban Nha bị bắn phá, tấn công; những tàu buôn cũng bị cướp biển Anh hoành hành nhiều hơn. Sự kiện Jamaica rơi vào tay Anh năm 1665 là đỉnh cao trong thắng lợi của Anh trong việc mở rộng thuộc địa ở châu Mỹ. Chiến thắng của Anh được thể hiện bằng hiệp ước Madrid 1667 và sau đó là Hiệp ước năm 1670 – hiệp ước về châu Mỹ. Tây Ban Nha đã quy ngã, cánh cửa đến với vùng đất châu Mỹ trù phú đã mở rộng trước mắt đối với người Anh.

Tiếp nối những thành công trong chiến tranh với Hà Lan và Tây Ban Nha, hải quân Anh tiếp tục khẳng định sức mạnh đang lên của mình trong cuộc chiến tranh 9 năm (1689 - 1697) với Pháp. Do luôn có tham vọng chinh phục cả châu Âu lục địa nên vua Pháp - Louis XIV đã xây dựng quân đội hùng hậu và tinh nhuệ. Bên cạnh đó, với những cải cách của Colbert, hải quân Pháp từng bước được chú trọng hơn về cả xây dựng lực lượng cũng như trang bị vũ khí và trở thành đối thủ đáng gờm của Anh trong hai thập niên cuối thế kỷ XVII. Sự phát triển của hải quân Pháp tuy mang tính chất nhất thời nhưng cũng gây nên mối đe dọa lớn cho địa vị của Anh. Liên minh với Hà Lan cùng

³¹ Gary M Anderson, Adam Gifford, 1991, *Privateering and the private production of naval power*, California state university, Northridge, p. 63;

³² Xem thêm Matthew Craig Harington, 2004, *The Western design and the Anglo-Spanish struggle for the Caribbean, 1654-1655*, MA of Florida state university;

một loạt quốc gia khác được thiết lập nhằm mục đích đập tan tham vọng của Pháp. Theo như bảng số liệu trên, lúc bắt đầu chiến tranh, Pháp là cường quốc hải quân mạnh nhất với những tàu chiến được trang bị 118-120 đại bác, còn Anh được trang bị ít hơn. Tuy nhiên, kết thúc cuộc chiến, hải quân Anh đã vươn lên mạnh mẽ cả về số lượng tàu chiến lẫn trang bị: từ 173 tàu chiến phát triển thành 323 tàu, còn Pháp suy giảm từ 295 xuống còn 137 tàu chiến³³. Đến năm 1725, duy nhất nước Anh trang bị trên 100 đại bác cho tàu chiến (120 khẩu), còn Pháp là 36, Hà Lan là 42, Tây Ban Nha là 17 khẩu³⁴. Như vậy, hải quân Anh không chỉ giành thắng lợi trước Hà Lan, Tây Ban Nha mà còn giành thắng lợi trước Pháp để vươn lên trở thành cường quốc hải quân đứng đầu thế giới vào đầu thế kỷ XVIII. Sự phát triển đó là hệ quả tất yếu và phù hợp với xu thế đi lên của Anh trong quá trình xác lập địa vị cường quốc thương mại hàng hải.

Như vậy, thế kỷ XVII đã chứng kiến khá nhiều sự thay đổi tương quan lực lượng hải quân giữa các cường quốc châu Âu. Trong giai đoạn trước năm 1640 là sự cạnh tranh giữa Tây Ban Nha và Hà Lan, còn nửa sau thế kỷ XVII lại là sự vươn lên cạnh tranh của Anh với Hà Lan. Những thay đổi nhanh chóng đó có tác động không nhỏ đến sự phát triển thương mại cũng như việc xác lập địa vị

quốc tế của các cường quốc châu Âu. Hà Lan dù có gần một thế kỷ hoàng kim về thương mại nhưng chỉ duy trì được một thời gian ngắn địa vị cường quốc hải quân hàng đầu. Có nhiều nguyên nhân khác nhau dẫn đến sự suy yếu đó như: Nền công nghiệp và nông nghiệp trong nước không được chú trọng phát triển, làm nền tảng cho kinh tế thương mại; Sự chia rẽ trong bộ máy chính quyền và hải quân; Sự cạnh tranh, chống phá và xâm lược của quốc gia khác; Nhưng hải quân suy yếu chính là nhân tố trực tiếp dẫn đến việc Hà Lan mất đi khả năng cạnh tranh và những thị trường thương mại quan trọng. Ngược lại, Anh đã có chiến lược lâu dài, đầu tư cần thiết cho sự phát triển của hải quân trong việc mở rộng thị trường, thuộc địa và nâng cao vị thế trên bản đồ thương mại thế giới. Anh không chỉ đánh thắng Hà Lan trong ba lần đối đầu trực tiếp mà xen kẽ với đó là những chiến thắng trước các đối thủ nguy hiểm khác như Tây Ban Nha, Pháp hay mở rộng được hệ thống thuộc địa ở châu Á và châu Mỹ; tạo điều kiện căn bản cho bước đột phá lên vị thế cường quốc hàng đầu thế giới từ đầu thế kỷ XVIII. Sự vươn lên của hải quân Anh không chỉ mang ý nghĩa quân sự đơn thuần mà còn phản ánh sự thay đổi toàn diện về kinh tế - xã hội, tác động lớn đến tình hình châu Âu, và được thể hiện như một xu thế đang lên của thời đại – xu thế phát triển theo con đường tư bản chủ nghĩa một cách toàn diện.

³³ http://en.wikipedia.org/wiki/Nine_Years_War

³⁴ Philippe Contamine, 2002, *War and competition between states*, European science foundation, Clarendon press, p. 71;